

UBND XÃ TÂN TRƯỜNG
TỔ THẨM TRA TIÊU CHÍ
THÔN NÔNG THÔN MỚI

Số: 193/BC-UBND
(Dự thảo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Trường, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới Thôn 6

Căn cứ Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định 33/2024/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch số 85/KH – UBND ngày 12/02/2024 của UBND thị xã Nghi Sơn về việc Thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao trên địa bàn thị xã Nghi Sơn năm 2024.

Nghị quyết số: 30-NQ/ĐU ngày 26/01/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ xã Tân Trường về lãnh đạo xây dựng Nông thôn mới năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số: 30/KH-UBND ngày 05/3/2024 về Thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 102 /QĐ-ĐU ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Ban chấp hành Đảng ủy xã Tân Trường về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2024 của UBND xã Tân Trường về phê duyệt Phương án xây dựng NTM thôn 6.

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn 6 về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn NTM năm 2024.

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí NTM trên địa bàn thôn 6. Tổ thẩm tra tiêu chí thôn đạt chuẩn NTM xã Tân Trường báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí NTM cho thôn 6 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (Ngày 31/7/2024 - 14/8/2024)

1. Về hồ sơ:

Hồ sơ đầy đủ và đảm bảo nội dung theo quy định tại Quyết định số: 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025; Quyết định 33/2024/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản, đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh. bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm tra các tiêu chí thôn NTM ngày 22/7/2024 của ban phát triển thôn.

- Báo cáo số 04/BC-BPTT ngày 19/7/2024 của ban phát triển thôn 6 về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2024 của thôn (*kèm theo hồ sơ chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới*);

- Biên bản họp thôn.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội thôn, bản và Nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn NTM.

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (đề án) xây dựng thôn NTM.

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn NTM của thôn 6.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM của thôn 6.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí NTM:

1. Tiêu chí số 1: Lao động.

a. Yêu cầu tiêu chí:

1.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 75 \%$

1.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25 \%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trong những năm qua nhận thức của nhân dân được nâng lên, các em trong độ tuổi được đến trường, luôn cố gắng phấn đấu để học tập, có ngành nghề. Bên cạnh đó UBND xã thường xuyên đầu tư mở các lớp đào tạo nghề cho nông thôn, hỗ trợ để phát triển ngành nghề, đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Tính đến thời điểm hiện tại tình hình lao động của thôn cụ thể như sau:

1.1. Dân số đến thời điểm thẩm tra là: 617 người, dân số trong độ tuổi lao động của thôn là 411 người; số lao động được qua đào tạo 379 lao động.

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo} = \frac{379}{411} \times 100\% = 92,21\%$$

1.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ).

Theo kết quả điều tra, rà soát tại thôn, hiện nay lực lượng lao động trên địa bàn thôn 379 lao động; số lao động có bằng cấp, chứng chỉ là: 137 lao động.

$$\text{Tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ} = \frac{137}{411} \times 100\% = 33.33\%$$

c. *Đánh giá*: Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

2. Tiêu chí số 2: Thu nhập.

a. *Yêu cầu tiêu chí*:

- Thu nhập bình đầu người của thôn năm 2024 $\geq$ 45 triệu đồng/ người.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí*:

- Thu nhập bình đầu người của thôn năm 2024: 61.7 triệu đồng/người.

- *Đánh giá*: Mức độ hoàn thành so với yêu cầu tiêu chí: Đạt.

3. Tiêu chí số 3: Nghèo đa chiều.

a. *Yêu cầu tiêu chí*:

- Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025: <6,5%.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí*:

Chi ủy, chi bộ và các đoàn thể trong thôn thường xuyên quan tâm công tác xóa đói giảm nghèo. Kết quả sau điều tra, rà soát hộ nghèo năm 2024 hộ nghèo giảm còn 02/185 hộ, tỷ lệ 1,08%, hộ cận nghèo 03/185 hộ, tỷ lệ 1,62%.

Tỷ lệ nghèo đa chiều: 1,62%

c. *Đánh giá* : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

4. Tiêu chí số 4: Nhà ở dân cư và vườn hộ.

a. *Yêu cầu tiêu chí*:

4.1. Nhà tạm, dột nát: Không.

4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq$ 85 %

4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học: Đạt.

4.4. Vườn mỗi hộ gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường: Đạt.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí*:

4.1. Nhà tạm, dột nát: Không.

4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố là 176/177 hộ đạt 99,44%.

4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học: Đạt.

4.4. Vườn mỗi hộ gia đình được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo VSMT:

- Vườn hộ có hệ thống tưới nước khoa học, tiết kiệm
 - Trong thôn có 11 vườn hộ có sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận diện tích vườn từ 84-100m² /vườn.
 - Vườn hộ được thực hiện theo sơ đồ quy hoạch đã được UBND xã xác nhận.
 - Các vườn hộ có cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng bộ Nông nghiệp và PTNT; có biên bản kiểm tra gửi kèm.
 - Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 10 triệu đồng/năm
- c. *Đánh giá:* Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

5. Tiêu chí số 5: Giao thông.

a. Yêu cầu tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, có rãnh tiêu thoát nước mặt đường: 100% ($\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa, đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

5.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy: 100% ($\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa, đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$).

5.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: 100 % (trong đó: $\geq 60\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

5.1. Đường thôn, đường liên thôn gồm 03 tuyến, tổng chiều dài 1.520m, trong đó đã được bê tông hóa, nhựa hóa $1.520\text{m}/1.520\text{m} = 100\%$; có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có rãnh tiêu thoát nước.

5.2. Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, trong đó: có 02 tuyến với tổng chiều dài 4.30m đã được bê tông hóa $430\text{m}/430\text{m} = 100\%$; có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$; có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.

5.3. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm; gồm 02 tuyến với tổng chiều dài 540m đã được bê tông hóa

540m/540m = 100%; có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$.

c. *Đánh giá:* Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

6. Tiêu chí số 6: Giáo dục và Đào tạo.

a. *Yêu cầu tiêu chí:*

6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt

6.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 85\%$.

6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội khuyến học cấp huyện tặng giấy khen: Đạt.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

2.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: Đạt.

Trên địa bàn trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường không có trẻ em bỏ học giữa chừng. Tổng số học sinh 5 tuổi lên lớp 1: 15 cháu, học sinh mầm non 5 tuổi: 15 cháu, số học sinh tiểu học: 89 cháu; số học sinh THCS: 50 cháu.

2.2. Thôn có 12 cháu tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp và học nghề. Đạt 100%

2.3. Trong những năm qua thôn đã tuyên truyền, vận động và khuyến khích nhân dân thực hiện tốt công tác Khuyến học, khuyến tài tại các dòng họ, gia đình, cụm dân cư, kết quả đã được hội Khuyến học thị xã tặng giấy khen.

c. *Đánh giá :* Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

7. Tiêu chí số 7: Y tế.

a. *Yêu cầu tiêu chí:*

7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

7.2. Có nhân viên y tế hoạt động theo quy định. Đạt

7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 22\%$.

7.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: Đạt.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

7.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là: 571 / 617 người (02 người lao động nước ngoài) = 92,84%. (So với yêu cầu của tiêu chí là $\geq 90\%$).

7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản hoạt động theo quy định

- Kết quả thực hiện: Hiện tại thôn 6, xã Tân Trường không có nhân viên y tế thôn; có 01 Cộng tác viên dân số đang hoạt động hiệu quả.

- Hồ sơ chứng minh: Thông báo số: 07/TB-UBND ngày 05/01/2022 của UBND xã Tân Trường về việc chỉ hội trưởng hoặc chi hội phó phụ nữ thôn làm công tác DS-KHHGD xã Tân Trường.

7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

- Kết quả thực hiện: Số trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 8/73, đạt 11,9 %.

- Hồ sơ chứng minh: Có danh sách cân, đo và đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi tại thời điểm ngày 01/6/2024.

7.4. Thôn, bản triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử:

- Kết quả thực hiện: Thôn đã triển khai thực hiện tạo lập sổ khám chữa bệnh điện tử cho người dân theo kế hoạch và phương án của UBND xã.

- Hồ sơ chứng minh:

+ Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 10/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Trường về triển khai lập hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Tân Trường giai đoạn 2022-2025.

+ Danh sách người dân có Sổ khám chữa bệnh điện tử của Thôn 6, tính đến ngày 30/8/2024 (609/617, đạt 99%).

c. *Đánh giá* : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

8. Tiêu chí số 8: Văn hóa.

a. *Yêu cầu tiêu chí:*

8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng: Đạt.

8.2. Được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn/bản văn hóa trong 3 năm liên tục: Đạt.

8.3. Hàng rào nhà văn hóa, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh: Năm 2023 $\geq 80\%$.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

8.1. Thôn 6 có Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được cải tạo năm 2016, quy mô nhà văn hóa khoảng 100 chỗ ngồi, tổng diện tích đất Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn 800 m² (có sân khấu ngoài trời). Nhà văn hóa thôn có đầy đủ bộ

trang trí khánh tiết: phong, bực, tượng Bác, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, tăng âm, loa đài, bàn, ghế, lưới, bóng chuyền... phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân.

8.2. Thôn 6 được công nhận thôn văn hóa 02 năm liên tục: năm 2022 và 2023 tại các Quyết định: Quyết định số 11439/QĐ-UBND ngày 03/12/2022 và Quyết định số 7605/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND thị xã Nghi Sơn.

8.3. Hàng rào của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn được xây tường bao quanh 100%, hiện nay thôn đã và đang trồng cây xanh phủ hàng rào tạo môi trường xanh tại nhà văn hóa.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

9. Tiêu chí số 9: Môi trường và an toàn thực phẩm.

a. Yêu cầu tiêu chí:

9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn: $\geq 45\%$ (20% từ hệ thống cấp nước tập trung).

9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: $\geq 95\%$.

9.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung. Đạt

9.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: Đạt $\geq 2m^2/\text{người}$.

9.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Đạt.

9.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 75\%$

9.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường $\geq 100\%$

9.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$

9.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 70\%$

9.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm $\geq 100\%$

9.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$

9.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn:

Tỷ lệ số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 177/177 hộ đạt 100%;

Tỉ lệ số hộ sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước nhỏ lẻ (hộ gia đình sử dụng máy lọc nước RO) là 177/177 hộ, chiếm tỉ lệ 100%;

Tỉ lệ số hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 0% (hiện trên địa bàn xã Tân Trường chưa có đường ống truyền tải cung cấp nước sạch tập trung. Xã đã có cam kết và chịu trách nhiệm đảm bảo số hộ trên địa bàn thôn đề đầu nối, sử dụng hệ thống cấp nước sạch tập trung đảm bảo tỷ lệ $\geq 22\%$ khi có đơn vị lắp đặt đường ống truyền tải nước sạch tập trung về thôn).

9.2. Qua rà soát, thống kê, trên địa bàn thôn đến nay có 23 sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường gồm các hộ kinh doanh buôn bán, các cửa hàng tạp hoá; xay xát gạo; bán rau, củ, quả, bún, bánh...

Trong thời gian qua dưới sự quản lý các cấp các ngành, các hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thôn 6 luôn đảm bảo đảm bảo quy định về môi trường, an toàn thực phẩm, đạt 100% ký cam kết bản đảm ATTP, về sinh môi trường

Đối với 23 cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ tại thôn thuộc đối tượng không phải lập hồ sơ môi trường theo quy định. UBND xã Tân Trường hướng dẫn cho các hộ ký cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh (có hồ sơ kèm theo). Các cơ sở thường xuyên dọn dẹp vệ sinh môi trường trong khu cũng như lân cận, ký cam kết bảo vệ môi trường và nghiêm túc thực theo các nội dung đã cam kết, có hợp đồng thu gom rác thải với tổ thu gom rác thải của xã.

Thôn đã làm tốt công tác tuyên truyền vận động các hộ thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh, tổ chức cho các hộ tập huấn công tác VSATTP, bảo vệ môi trường.

Đối với chất thải rắn không nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt được phân loại làm phân bón hữu cơ, phần còn lại được đội thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

9.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

- Ở thôn không có các hoạt động làm suy giảm môi trường, đường làng, ngõ xóm cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp.

- Chi hội phụ nữ phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn tổ chức đặt chậu hoa cây cảnh bên lề đường trục chính của thôn và trong khuôn viên hộ gia đình tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Các trục đường giao thông giao cho chi hội (Phụ nữ, Thanh niên, Cựu chiến binh, Nông dân) thường xuyên tổ chức quét dọn vệ sinh đảm bảo xanh -

sạch - đẹp. - Đường thôn: Đường liên thôn gồm 03 tuyến, tổng chiều dài 1520m đã nhựa hóa $1520\text{m}/1520\text{m} = 100\%$ có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; có rãnh tiêu thoát nước.

- Đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm, trong đó: có 02 tuyến với tổng chiều dài 430m đã được bê tông hóa có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$; có rãnh tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư.

- Đường trục chính nội đồng: Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, trong đó có 02 tuyến với tổng chiều dài 540m, đã được bê tông hóa $540\text{m}/540\text{m} = 100\%$; có chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$.

9.4. Diện tích đất cây xanh trên địa bàn của thôn là 5.155m^2 , gồm:

+ Đất cây xanh nhà văn hóa thôn: 35m^2

+ Đất cây xanh trồng dọc theo tuyến đường của thôn khoảng 120m^2

+ Đất cây xanh trồng ở khu vực Nghĩa Địa Đu Đủ khoảng 1.500m^2

+ Đất cây xanh trồng ở khu vực dọc sông Bến Sen khoảng 3.500m^2

- Hầu hết phần đất cây xanh của thôn đều do nguồn vốn nhân dân tự bỏ vốn, loại cây trồng chủ yếu là cây xà cừ, nhãn, keo, bạch đàn, sao đen, vú sữa, mít, dừa...

- Hiện nay dân số trên địa bàn thôn là: 617 người, được xác định theo số liệu của năm 6/2024.

- Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là $5.155\text{m}^2 / 617\text{ người}$, tương ứng $8,4\text{m}^2 / \text{người}$).

9.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Chi bộ có nghị quyết về mai táng, thôn ban hành ương ước về ma chay đảm bảo theo nếp sống mới, phù hợp với quy định và quy hoạch của địa phương.

9.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải được thu gom và xử lý theo quy định. Số hộ tham gia thu gom rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thôn là $177/177\text{ hộ} = 100\%$.

- Số hộ phân loại chất thải rắn tại nguồn $103/177 = 58.19\%$

- Rác thải được HTX dịch vụ nông nghiệp Tân Trường thu gom vận chuyển rác thải tại bãi rác thôn 6, xã Tân Trường và được Trung tâm quản lý hạ tầng môi trường và hỗ trợ đầu tư thuộc ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn thu gom vận chuyển, từ tháng 01 năm 2024 đến nay công ty TNHH Môi trường và

kiến thiết đô thị Việt Phát thu gom vận chuyển đến bãi tập kết và đưa vào Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn xử lý đúng theo quy định với tần suất thu gom 3 lần/tuần.

- Rác thải từ các hộ gia đình trước khi vận chuyển đi xử lý hộ gia đình phân loại bỏ vào thùng đựng rác để trong khuôn viên gia đình, khi đến ngày đổ rác thì mới mang ra ngoài tập kết.

- Các hộ gia đình có dụng cụ chứa rác và đổ vào xe thu gom rác của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường theo thời gian quy định, đồng thời có trách nhiệm đóng lệ phí vệ sinh đầy đủ theo quy định của pháp luật.

* Đối với chất thải rắn không nguy hại

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Trên địa bàn thôn chủ yếu là hộ kinh doanh nhỏ lẻ, các cơ sở sản xuất được đảm bảo về môi trường cụ thể: 06 hộ kinh doanh buôn bán ăn uống, café, 06 cửa hàng kinh doanh tạp hóa, 02 xay xát gạo, 02 kinh doanh rau, củ, quả, 03 hộ sản xuất Bún, 01 cơ sở sản xuất bánh cuốn, 01 cơ sở sản xuất Đậu phụ, 01 hộ kinh doanh cháo dinh dưỡng có phát sinh chất thải được cơ sở thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Chất thải từ hoạt động chăn nuôi để làm phân bón hữu cơ, nước tưới cây hoặc mục đích khác được thực hiện theo quy định: Trên địa bàn thôn chủ yếu là chăn nuôi hộ gia đình, lượng nước thải phát sinh ít đều có lắp hệ thống thu gom phân, nước thải vào hồ chứa để xử lý sau đó đưa xuống ao, tận dụng nuôi cá, nước thải sau xử lý dùng tưới nước, tưới cây không ảnh hưởng đến môi trường.

- Chất thải từ phụ phẩm nông nghiệp: Trên địa bàn thôn, phụ phẩm nông nghiệp chủ yếu là rơm rạ và phụ phẩm rau, màu phát sinh sau thu hoạch, hầu hết được các hộ dân tận dụng làm thức ăn cho gia súc như: trâu, bò, cá... hoặc ủ làm phân bón, không có tình trạng xảy ra việc người dân tự ý đốt rơm rạ ngoài đồng ruộng.

- Chất thải xây dựng: Trên địa bàn thôn hoạt động xây dựng chủ yếu là xây dựng, sửa chữa nhà ở và một số công trình nhỏ của thôn do đó chất thải xây dựng chủ yếu được tận dụng lại để bồi đắp đường, móng, san lấp mặt bằng. Việc thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

9.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- + Đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng

- Thôn 6 với tổng diện tích đất nông nghiệp là 3,5ha, đối với gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được nhân dân thu gom đựng vào thùng riêng. Về thùng

chứa được bố trí tại xứ đồng của thôn, đáp ứng yêu cầu thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Khối lượng phát sinh không nhiều, nhưng nếu không xử lý triệt để sẽ gây ảnh hưởng lớn. Hiện nay trên địa bàn thôn có 02 thùng xi măng đựng vỏ thuốc bảo vệ thực vật, 01 ở ngoài đồng để nhân dân bỏ bao thuốc BVTN sau sử dụng. Tại nhà văn hóa thôn đã bố trí 01 thùng đựng rác thải nguy hại để thu gom và 02 thùng rác sinh hoạt để thu gom rác thải theo quy định. UBND xã đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

- UBND xã đã phối hợp Ban mặt trận thôn, các ngành đoàn thể thôn tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân sau khi phun, xịt thuốc thu gom vỏ, chai thuốc đã sử dụng theo quy định. Không để xảy ra tình trạng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vứt, đổ bừa bãi ra môi trường.

- Khối lượng bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng 03 kg/năm.

Đối với chất thải rắn y tế nguy hại

Trên địa bàn thôn có không có Trạm y tế: Không thực hiện thu gom chất thải y tế.

9.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: là $177/177\text{hộ} = 100\%$

- Phong trào “3 sạch” là sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ đi vào chiều sâu được hội viên phụ nữ thôn tích cực hưởng ứng. Cùng với đó là phong trào “Ngày chủ xanh” với lực lượng nòng cốt Chi hội phụ nữ đã và đang được triển khai đều đặn đã tạo nếp sống văn minh, tạo cảnh quan môi trường theo đúng chỉ tiêu sáng - xanh - sạch - đẹp..

9.9. Có Biểu mẫu thống kê cơ sở/hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thôn.

- Có Biểu mẫu thống kê cơ sở/hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn thôn. Tổng số có 156 hộ chăn nuôi, tất cả các hộ đều thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi và có biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

- Có Bản kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định: 156/156 hộ thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định (Có các bản kê khai chăn nuôi kèm theo).

- Kết quả kiểm tra thực tế: đạt.

* Đánh giá: Mức độ đạt chỉ tiêu 9.9 tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 156/156 cơ sở, đạt 100%; đánh giá đạt.

9.10. Có Bảng tổng hợp hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thôn:

- Có Bảng tổng hợp hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn thôn: Tổng số 23 hộ sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã.

- Có Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm: 23/23 hộ có bản cam kết. (Có các bản cam kết kèm theo)

Kết quả kiểm tra thực tế tại cơ sở: Đạt

* Đánh giá: Mức độ đạt chỉ tiêu 9.10: Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 23/23 cơ sở, đạt 100%; đánh giá đạt.

9.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn :

- Từ năm 2018, UBND xã giao cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Tân Trường thành lập các Tổ thu gom rác thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn đến các điểm tập kết để xe vận chuyển của Trung tâm quản lý hạ tầng môi trường và hỗ trợ đầu tư thuộc ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn thu gom vận chuyển. Từ tháng 01 năm 2024 đến nay công ty TNHH Môi trường và kiến thiết đô thị Việt Phát thu gom vận chuyển đưa vào Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn xử lý theo quy định. Chính vì vậy vệ sinh môi trường trong khu dân cư đảm bảo sạch sẽ và làm cho cảnh quan môi trường sáng, xanh, sạch đẹp.

- Hộ gia đình, cá nhân ở thôn phát sinh CTR sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại như sau:

+ Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ quả...) được tận dụng thức ăn chăn nuôi, làm phân bón, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi

+ Nhóm có khả năng tái sử dụng, tái chế: như bao bì, vỏ lon, nhựa, kim loại, cao su, ni lông... được thu gom, bán cho các hộ mua phế liệu.

+ Nhóm còn lại; Chất thải sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì và chỉ mang ra cổng đến ngày cho tổ thu gom rác của xã thu gom, vận chuyển và đưa đi xử lý.

- Thôn tổ chức triển khai hoạt động phân loại CTR tại nguồn theo quy định, trong đó UBND xã hướng dẫn cụ thể việc phân loại thông qua tuyên truyền, vận

động trên hệ thống loa truyền thanh và lồng ghép vào các buổi sinh hoạt cộng đồng.

- Dần dần, người dân đã thấy được lợi ích của phân loại rác thải tại nguồn là góp phần tiết kiệm được tài nguyên, mang lại lợi ích cho chính chủ nguồn thải từ việc tận dụng phế liệu tái chế và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Chắc chắn trong thời gian tới, cùng với việc tuyên truyền của UBND xã, nhận thức của người dân thì tỷ lệ các hộ tham gia việc phân loại chất thải rắn tại nguồn càng tăng lên.

- Trên địa bàn thôn có 177hộ (các hộ đang trực tiếp sinh hoạt tại địa phương), trong đó:

Số hộ nộp phí thu gom rác thải: $177/177 \text{ hộ} = 100\%$.

Số hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn: $103/177 \text{ hộ} = 58.19\%$

9.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh năm 2023 thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là $755\text{kg}/1.400\text{kg} \times 100 = 53,9\%$.

- Việc thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa là phong trào “nói không với túi nylon” của Chi hội phụ nữ với phương châm “hạn chế túi nylon là bảo vệ môi trường”, thay bằng việc sử dụng túi nylon, các thành viên sử dụng vật l1 dụng khác thân thiện với môi trường hơn như túi tái sinh, làn... trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

10. Tiêu chí số 10: Thủy lợi.

a. Yêu cầu tiêu chí: Đảm bảo yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên theo phương châm 4 tại chỗ tại chỗ: Đạt.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu thủy lợi.

Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 10 về chỉ tiêu Thủy lợi và Phòng chống thiên tai của thôn: Tổng diện tích đất nông nghiệp của thôn là 55ha.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp gieo trồng hàng năm được tưới chủ động cả năm là: $45.2/55 \text{ ha}$, chiếm tỷ lệ 82 %.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động cả năm là $55/55\text{ha}$, chiếm tỷ lệ 100%. (có kèm theo phụ lục kèm theo)

Kết quả thực hiện chỉ tiêu phòng chống thiên tai.

- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 10 về chỉ tiêu Thủy lợi và Phòng chống thiên tai của thôn.

- Phương án phòng chống thiên tai của xã (giao nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách chỉ đạo từng thôn; giao chỉ tiêu vật tư “4 tại chỗ”); Quyết định kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS xã; Quyết định phân công nhiệm vụ cho các tổ công tác Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự năm 2024; Kế hoạch phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai thôn 6.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

11. Tiêu chí số 11: Điện.

a. Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn 100%.

b. Kết quả thực hiện:

Thôn có 177/177 hộ đạt tỷ lệ 100% sử dụng điện thường xuyên, an toàn theo quy định của Bộ Công Thương.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

12. Tiêu chí số 12: Thông tin và truyền thông.

a. Yêu cầu tiêu chí:

12.1 + Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang $\geq 50\%$.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh $\geq 60\%$.

12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.

b. Kết quả thực hiện:

Tiêu chí 12.1:

+ Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang: 109/177 hộ; đạt 61,6 %;

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh: 354/411 người, đạt 86.1 %;

Tiêu chí 12.2: Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt, gồm 02 cụm loa với 04 loa phóng.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

13. Tiêu chí số 13: Hệ thống chính trị:

a. Yêu cầu tiêu chí:

13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt.

13.2. Chi bộ được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đạt.

13.3. Tổ chức chính trị- xã hội được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên: Đạt.

13.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội: Đạt

13.5. Chi bộ đảng có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới: Đạt.

13.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân. Ban phát triển thôn, bản được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới. Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

13.1. Thôn có đủ 5 tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt

13.2. Năm 2023, Chi bộ được xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt.

13.3. Năm 2023, 5 tổ chức Chính trị - Xã hội được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt

13.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội:

Nội dung 1: Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (tỷ số giới tính khi sinh ở mức 111 bé trai/100 bé gái sinh ra sống).

Nội dung 2: Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh (Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

Nội dung 3: 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH.

Cấp ủy, ban thôn đã chỉ đạo các tổ chức, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, thực hiện công tác bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ. Tuyên truyền, phổ biến đầy đủ và kịp thời các chủ trương, đường lối chính

sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ nữ và bình đẳng giới. Tạo điều kiện cho cán bộ, chị em phụ nữ được tham gia các lớp tập huấn, đào tạo cơ bản nhằm nâng cao trình độ hiểu biết. Phát huy vai trò phụ nữ trong lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ hội tham gia và thụ hưởng bình đẳng giới. Bảo đảm công bằng trong việc bố trí, sử dụng nữ cán bộ trong các tổ chức hội như: Hội phụ nữ, Nông dân. Hội phụ nữ thường xuyên tổ chức giáo dục giới tính và bạo lực gia đình trong các hội nghị thôn, hội nghị của tổ chức hội.

13.5. Chi bộ đảng có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới: Nghị quyết số 01 – NQ/CB ngày 22/2/2024 của chi bộ Thôn 6 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng Thôn 6 đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024: Đạt.

13.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân. Ban phát triển thôn, bản được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới:

- UBND xã Tân Trường xây dựng Kế hoạch số 32/KH-UBND xã về việc bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng Nông thôn mới cho người dân nhằm đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả của Ban phát triển thôn trên địa bàn xã Tân trường giai đoạn 2022-2025;

- Thông báo số 55/TB-UBND về việc bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về xây dựng Nông thôn mới năm 2024, Thông báo số 01/TB-BPTT ngày 4 24/6/2024 của Ban phát triển thôn 6 thông báo cho nhân dân trong thôn tham gia tập huấn.

- Bảng tổng hợp số lượng người tham gia tập huấn của thôn 6 (gửi kèm).

c. Đánh giá: Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

14. Tiêu chí số 14: Quốc phòng và An ninh.

a. Yêu cầu tiêu chí:

14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng. Đạt

14.2. Không có hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không có khiếu kiện đông người vượt cấp; không có hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật ở khu dân cư. Đạt

14.3. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước. Đạt

14.4. Có một trong các mô hình(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả; đạt

tiêu chuẩn an toàn về “ANTT” và đạt loại “ Khá” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quy định của Bộ công an. Đạt

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng: Đạt 9/9 chỉ tiêu thôn nông thôn mới.

14.2. Không có hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không có khiếu kiện đông người vượt cấp; không có hoạt động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật ở khu dân cư:

+ Tình hình an ninh nông thôn luôn được giữ vững, không xảy ra vụ việc đột xuất, bất ngờ, không xảy ra các hoạt động chống phá, biểu tình gây rối an ninh, trật tự, chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, không để xảy ra các hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật.

+ Không xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; không xảy ra đơn thư khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

14.3. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước:

+ Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, không có tội phạm xâm hại trẻ em. Trong năm 2022, 2023 và 8 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn không có tội phạm.

+ Về tệ nạn xã hội: Trong năm 2022, 2023 và 8 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn không có tệ nạn mại dâm, đánh bạc, mê tín dị đoan; có 01 đối tượng nghiện ma túy đã áp dụng biện pháp cai nghiện tại cộng đồng.

+ Trong năm 2022, 2023 và 8 tháng đầu năm 2024 không xảy ra tai nạn giao thông, cháy nổ.

14.4. Có một trong các mô hình(phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả; đạt tiêu chuẩn an toàn về “ANTT” và đạt loại “ Khá” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quy định của Bộ công an:

+ Hiện nay trên địa bàn thôn đang có 02 mô hình tự quản về ANTT hoạt động hiệu quả gồm: Mô hình “Camera với ANTT” và mô hình “Cựu chiến binh xã Tân Trường chung tay giúp đỡ người tái hòa nhập cộng đồng”.

+ Năm 2022 thôn 6 đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTT đạt loại khá.

+ Năm 2023 thôn 6 đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ ANTT đạt loại khá.

c. Đánh giá : Mức độ hoàn thành so với yêu cầu của tiêu chí: Đạt.

III. KẾT LUẬN.

1. Về hồ sơ: Hồ sơ đầy đủ, đúng nội dung theo Căn cứ Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022; Quyết định 33/2024/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh. của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí NTM của thôn 6 đã được UBND xã Tân Trường thẩm tra đạt chuẩn NTM tính đến thời điểm thẩm tra là: 14/14 tiêu chí, đạt 100%.

(Kèm theo biểu kết quả thẩm tra các tiêu chí NTM của thôn 6)

III. KIẾN NGHỊ.

Hội đồng thẩm tra các tiêu chí thôn nông thôn mới của thị xã về thẩm tra hồ sơ theo các tiêu chí đề trình UBND thị xã công nhận thôn 6 xã Tân Trường đạt chuẩn nông thôn mới năm 2024.

Nơi nhận:

- UBND thị xã Nghi Sơn;
- VPĐP NTM thị xã;
- Lưu hồ sơ.

TM. TỔ THẨM TRA

CHỦ TỊCH UBND XÃ
Nguyễn Anh Hùng

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI
Thôn 6, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn
(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra xây dựng NTM năm 2024 thôn 6)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu theo Vùng		Kết quả thực hiện đến 25/9/2023	Kết quả tự đánh giá
			Vùng 1	Vùng 2		
1	Lao động	1.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 70\%$	$\geq 75\%$	379/411 đạt tỷ lệ 92,21%	Đạt
		1.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$	$\geq 25\%$	137/411 đạt tỷ lệ 33,33%	Đạt
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của thôn, bản (triệu đồng/người)	Năm 2022: ≥ 39 Năm 2023: ≥ 42 Năm 2024: ≥ 45 Năm 2025: ≥ 48	Năm 2022: ≥ 39 Năm 2023: ≥ 42 Năm 2024: ≥ 45 Năm 2025: ≥ 48	61.7 Triệu đồng/người/năm	Đạt
3	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	$< 13\%$	$< 6,5\%$	Đạt tỷ lệ 1,62%	Đạt
4	Nhà ở dân cư và vườn hộ	4.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 80\%$	$\geq 85\%$	176/177 hộ đạt tỷ lệ 99,44%	Đạt
		4.3. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt	Đạt	Sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt
		4.4. Vườn hộ mỗi gia đình (nếu có) được thiết kế gọn gàng, khoa học đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt	Đạt	Vườn hộ có hệ thống tưới nước khoa học, tiết kiệm, có sơ đồ quy hoạch, có cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường tạo thu nhập cho người dân.	Đạt
		5.1. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, có rãnh tiêu thoát nước mặt đường	$\geq 80\%$ (trong đó: $\geq 50\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường	Đường thôn, đường liên xã, liên thôn được bê tông hóa, nhựa hóa: 1.520/1.520m đạt tỷ lệ 100%	Đạt

5	Giao thông		đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)		
		5.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm; có rãnh tiêu thoát nước mặt đường, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy	100% (trong đó: ≥50% bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	100% (trong đó: ≥70% bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	Đường ngõ, xóm được bê tông hóa: 430/430m đạt tỷ lệ 100%	Đạt
		5.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng (nếu có) đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	100% (trong đó: ≥50% bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	100% (trong đó: ≥60% bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường ≥3,0m, chiều rộng nền đường ≥4,0m)	Trục đường chính nội đồng: 540/540m đạt tỷ lệ 100%	Đạt
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥ 70%	≥ 85%	12/12 đạt tỷ lệ 100 %	Đạt
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt	Đạt	Thôn được tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học - Khuyến tài xây dựng xã hội	Đạt

					học tập năm 2023, theo quyết định 31-QĐ/HKH-TX, ngày 24/12/2023 của Chủ tịch hội khuyến học thị xã Nghi Sơn	
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	$\geq 90\%$	571/617 người (02 người đi LĐ nước ngoài) đạt tỷ lệ 92,84%	Đạt
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản hoạt động theo quy định	Đạt	Đạt	Hiện nay theo quy định không bố trí nhân viên y tế thôn, có cộng tác viên dân số hoạt động hiệu quả	Đạt
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$	$\leq 22\%$	8/73 đạt tỷ lệ 11,9 %	Đạt
		7.4. Thôn, bản triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Đạt	Đạt (609/617 đạt tỷ lệ 99 %)	Đạt
8	Văn hóa	8.1. Có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	Đạt	Đạt	Nhà văn hóa được tu sửa nâng cấp đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của Nhân dân	Đạt
		8.2. Được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn/bản Văn hóa trong 3 năm liên tục	Đạt	Đạt	Được công nhận đạt danh hiệu “Khu dân cư Văn hóa” 2 năm liên tục 2022, 2023 theo Quyết định	Đạt

					11439/QĐ-UBND ngày 03/12/2022; Quyết định số 7605/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND thị xã Nghi Sơn	
		8.3. Hàng rào của Nhà văn hoá, khu thể thao thôn bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh	Năm 2022 $\geq$ 60% Năm 2023 $\geq$ 70% Năm 2024 $\geq$ 75% Năm 2025 $\geq$ 80%	Năm 2022 $\geq$ 65% Năm 2023 $\geq$ 75% Năm 2024 $\geq$ 80% Năm 2025 $\geq$ 85%	Hàng rào được xây tường bao quanh 100%. Thôn đã trồng cây xanh phủ hàng rào tạo môi trường xanh	Đạt
9	Môi trường và An toàn thực phẩm	9.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq$ 45% (đối với thôn, bản thuộc các xã khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) $\geq$ 20% (đối với thôn, bản thuộc các xã khu vực III tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc) Không quy định tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq$ 45% (đối với thôn thuộc các xã khu vực I tại các huyện miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) $\geq$ 45% đối với thôn thuộc các xã còn lại (trong đó, $\geq$ 20% từ hệ thống cấp nước sạch tập trung)	Hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 177/177 đạt tỷ lệ 100% Nước sạch từ máy lọc nước RO: 177/177 đạt tỷ lệ 100% Cam kết sẽ sử dụng nước sạch tập trung khi có đơn vị lắp đặt đường ống truyền tải nước sạch tập trung về thôn với tỷ lệ 22%	Đạt

	9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	$\geq 95\%$	23/23 đạt tỷ lệ 100% cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt
	9.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	9.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	$5.155\text{m}^2/617$ người đạt tỷ lệ $8,4\text{m}^2/\text{người}$	Đạt
	9.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	9.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	$\geq 75\%$	177/177 hộ đạt tỷ lệ 100%	Đạt
	9.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	177/177 hộ đạt tỷ lệ 100% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Chất thải rắn y tế: Trên địa bàn không có trạm y tế nên không thực hiện thu gom chất thải y tế	Đạt
	9.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	$\geq 70\%$	$\geq 85\%$	177/177 hộ đạt tỷ lệ 100%	Đạt
	9.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	$\geq 60\%$	$\geq 70\%$	156/156 hộ = 100%	Đạt

		9.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	100%	23/23 =100%	Đạt
		9.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$	$\geq 30\%$	103/177 hộ đạt tỷ lệ 58.19%	Đạt
		9.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$	$\geq 50\%$	755kg/1.400x100 đạt tỷ lệ 53.9%	Đạt
10	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	Đảm bảo yêu cầu sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
11	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$	100%	177/177 hộ đạt tỷ lệ 100%	Đạt
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Tỷ lệ hộ gia đình trong thôn có lắp đặt Internet cáp quang : 109/177 người đạt tỷ lệ 61,6% Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động của thôn có điện thoại thông minh: 354/411 người đạt tỷ lệ 86,1%	Đạt
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt	Đạt	Đạt	Đạt	
		13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Chi bộ được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Năm 2023 CB được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt
		13.3. Tổ chức chính trị - xã hội được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	5 tổ chức chính trị - xã hội được xếp loại hoàn thành tốt,	Đạt

13	Hệ thống chính trị				hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 100%	
		13.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.5. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân. Ban phát triển thôn, bản được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt	Tổ chức tập huấn có 158 người tham gia	Đạt
14	Quốc phòng và An ninh	14.1. Đảm bảo chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Không có hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; không có khiếu kiện đông người vượt cấp; không có hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật ở khu dân cư	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giám so với năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.4. Có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với			Đạt Năm 2023 đạt	

		phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả; đạt tiêu chuẩn an toàn về “ANTT” và đạt loại “Khá” trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quy định của Bộ Công an	Đạt	Đạt	tiêu chuẩn về ANTT, phân loại về ANTT đạt loại Khá	Đạt
--	--	--	-----	-----	--	-----